

SGA

ĐAN SAO

Audit - Tax - Consulting

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VIỄN THÔNG ĐỒNG THÁP**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
đã được kiểm toán

CÔNG MỸ P.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VIỄN THÔNG ĐỒNG THÁP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
đã được kiểm toán**

Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THUẾ - TƯ VẤN SÀI GÒN

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	05 - 07
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
- Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VIÊN THÔNG ĐỒNG THÁP (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 ("năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015").

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và đến ngày lập các báo cáo tài chính này bao gồm:

<u>Hội đồng quản trị</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông NGÔ VIỆT TẤN	Chủ tịch
Ông NGUYỄN VĂN THÀNH	Ủy viên
Ông HUỖNH KIM THUẬN	Ủy viên
Ông TRẦN THANH TÚ	Ủy viên
Ông LÊ VĂN HÒA	Ủy viên

<u>Ban kiểm soát</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông NGUYỄN HỮU ĐÔNG	Trưởng ban
Ông TRÀ BÁ PHÚC	Ủy viên
Bà TRẦN KIM TUYỀN	Ủy viên

<u>Ban Tổng giám đốc</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông NGÔ VIỆT TẤN	Tổng giám đốc
Ông NGUYỄN VĂN THÀNH	Phó Tổng giám đốc
Ông HUỖNH KIM THUẬN	Phó Tổng giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm Toán Thuế Tư Vấn Sài Gòn đã được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập các báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính dựa trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Chúng tôi cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Đại diện và thay mặt Ban Tổng giám đốc,



NGÔ VIỆT TÂN

Tổng Giám Đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2016

Số: 16082 /BCKT-SGA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VIỄN THÔNG ĐỒNG THÁP
năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Kính gửi: CÁC CÔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VIỄN THÔNG ĐỒNG THÁP

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VIỄN THÔNG ĐỒNG THÁP (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc cùng ngày, được lập ngày 15 tháng 03 năm 2016, từ trang 05 đến trang 25 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu mà chưa được phát hiện ra.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

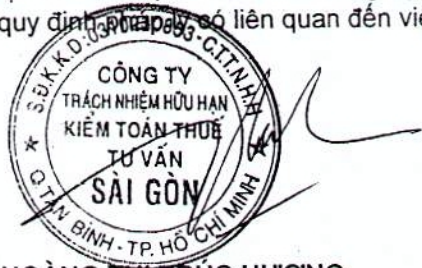
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở cho ý kiến chấp nhận từng phần

Số dư nợ phải thu khó đòi tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo thuyết minh Báo cáo tài chính V.5 là 3.578.388.705 đồng chưa được đơn vị trích lập dự phòng, số tiền trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo qui định đối với các khoản phải thu nêu trên ước-tính là 100% giá trị công nợ phải thu nêu trên.

Ý kiến kiểm toán chấp nhận từng phần

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn Cơ sở cho ý kiến chấp nhận từng phần, Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kết thúc vào cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



HOÀNG THỊ TRÚC HƯƠNG
Phó giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1809-2013-207-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THUẾ TƯ VẤN SÀI GÒN
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2016

HUỖNH THẾ THO
Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 3257-2015-207-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VNĐ	
			Cuối năm	Đầu năm
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		76.044.575.070	52.433.766.634
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.758.728.894	324.336.615
1. Tiền	111	V.1	1.758.728.894	324.336.615
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		43.889.717.461	37.553.480.792
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	39.857.073.210	34.556.832.717
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	844.321.007	1.399.035.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	3.188.323.244	1.597.613.075
IV. Hàng tồn kho	140		30.396.128.715	14.305.960.034
1. Hàng tồn kho	141	V.7	30.396.128.715	14.305.960.034
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	249.989.193
1. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	153		-	249.989.193
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		20.004.843.118	17.689.874.259
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		18.096.136.917	14.364.522.421
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	12.733.485.720	8.982.926.512
- Nguyên giá	222		20.309.474.576	15.317.199.272
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.575.988.856)	(6.334.272.760)
2. Tài sản cố định vô hình	227		5.362.651.197	5.381.595.909
- Nguyên giá	228		5.508.788.600	5.508.788.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(146.137.403)	(127.192.691)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		110.213.400	715.023.481
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		110.213.400	715.023.481
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		750.000.000	800.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	750.000.000	800.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.048.492.801	1.810.328.357
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	1.048.492.801	1.810.328.357
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		96.049.418.188	70.123.640.893

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Cuối năm	Đầu năm
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		45.365.121.595	20.343.266.531
I. Nợ ngắn hạn	310		45.365.121.595	20.343.266.531
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	25.395.767.700	9.493.055.776
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	6.417.225.915	3.668.522.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	313	V.13	1.929.156.465	2.615.024.687
4. Phải trả người lao động	314		126.825.270	-
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	119.396.856	89.289.287
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	9.497.770.273	-
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.878.979.116	4.477.374.781
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		50.684.296.593	49.780.374.362
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	50.684.296.593	49.780.374.362
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		10.000.000.000	10.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		10.000.000.000	10.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.129.500.000	7.129.500.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		32.383.355.796	32.383.355.796
4. Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	421		1.171.440.797	267.518.566
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.030.566	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.165.410.231	267.518.566
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		96.049.418.188	70.123.640.893

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số Thuyết minh Cuối năm Đầu năm



NGÔ VIỆT TÂN

Tổng Giám Đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2016

BÙI PHÚ QUÍ

Kế toán trưởng

LÊ MINH TUYẾN

Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	89.360.008.522	84.253.164.084
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	106.586.443	140.832.171
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.1	89.253.422.079	84.112.331.913
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	75.775.731.980	72.751.381.224
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		13.477.690.099	11.360.950.689
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	43.550.518	432.786.672
7. Chi phí tài chính	22		474.119.366	-
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		474.119.366	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	11.542.008.554	11.439.120.749
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		1.505.112.697	354.616.612
11. Thu nhập khác	31		2.852.682	-
12. Chi phí khác	32		2.246.151	2.441.765
13. Lợi nhuận khác	40		606.531	(2.441.765)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.505.719.228	352.174.847
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.5	340.308.997	84.656.281
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.5	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.165.410.231	267.518.566
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.165	268
19. Lãi thực trên cổ phiếu	71		-	-



NGO VIỆT TẤN

Tổng Giám Đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2016

BÙI PHÚ QUÍ

Kế toán trưởng

LÊ MINH TUYỀN

Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VNĐ	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		94.857.117.586	101.768.274.297
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(65.770.869.793)	(66.838.004.213)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.238.234.853)	(6.375.763.115)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(474.119.366)	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	(623.670.063)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		5.305.914.276	6.627.942.616
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(36.226.751.728)	(31.694.444.780)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(7.546.943.878)	2.864.334.742
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BDS đầu tư và các tài sản dài hạn khác	21		(1.743.000)	(1.417.270.200)
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BDS đầu tư và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.500.000.000)	(31.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.500.000.000	31.000.000.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		50.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	396.786.672
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		48.257.000	(1.020.483.528)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		23.992.592.264	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(14.798.025.107)	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(261.488.000)	(1.794.032.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		8.933.079.157	(1.794.032.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		1.434.392.279	49.819.214

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Viễn thông Đồng Tháp được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400478233 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 12 năm 2004. Đăng ký thay đổi lần thứ 9, ngày 08 tháng 10 năm 2011.

Trụ sở hoạt động của Công ty là 209 - 211 - 213 Trương Hán Siêu, Phường Mỹ Phú, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp..

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây dựng công trình

3. Ngành nghề kinh doanh chính

Ngành nghề hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là: Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng chuyên dụng khác; xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình công ích; hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật liên quan; lắp đặt hệ thống xây dựng khác gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại.

4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 (được trình bày tại mục III.1). Các thay đổi đáng kể đến chính sách kế toán của công ty và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính, nếu có, được trình bày ở thuyết minh IV.2.

Thông tư cũng thể hiện những thay đổi trong cách trình bày một số khoản mục trong bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Số liệu so sánh được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm tài chính hiện tại. Chi tiết về việc phân loại lại các số liệu so sánh được trình bày tại Phụ lục 01.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Năm tài chính thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là tiền đồng Việt Nam (VNĐ) và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam (VNĐ).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Vào ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC cung cấp hướng dẫn về Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ("Thông tư 200"). Thông tư 200 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định số 15/2006-QĐ/BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("Quyết định 15") và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009. Thông tư 200 áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015.

2. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ toàn bộ các chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán Việt Nam cũng như các quy định có liên quan đến công tác kế toán trên các phương diện trọng yếu.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế ngoài nước Việt Nam. Do đó, các nguyên tắc và thực hành kế toán tại Việt Nam có thể khác với nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn (có thời gian đáo hạn ban đầu không quá ba tháng) sẵn sàng có thể chuyển đổi thành tiền mà không gặp bất kỳ rủi ro trọng yếu nào.

2. Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản mà Ban Điều hành Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này phản ánh theo nguyên giá trừ dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ước tính có thể thu được. Giá trị của các khoản phải thu được ước tính dựa trên giá trị ghi sổ các khoản phải thu trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi ước tính cho phần giá trị bị tổn thất do quá hạn thanh toán, khách hàng không có khả năng thanh toán.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cho hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm tất cả chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng trạng thái và địa điểm hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành cùng với các chi phí phát sinh trong quá trình tiếp thị, bán hàng và phân phối sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập theo quy định hiện hành cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do lỗi thời, hư hỏng, kém phẩm chất và giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ.

5. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian khấu hao ước tính của các tài sản. Thời gian khấu hao ước tính của các tài sản cố định tại Công ty được áp dụng như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
Phương tiện vận chuyển	04 - 07 năm

6. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và

Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn, được thể hiện theo giá trị còn lại. Chi phí trả trước được vốn hóa và phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính theo phương pháp đường thẳng.

Các khoản chi phí trả trước mang lại lợi ích kinh tế trên 01 năm được phân loại là chi phí trả trước dài hạn.

8. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền sẽ phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã được nhận, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả trong kỳ này và các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi các khoản chi trả phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh được ghi nhận vào chi phí trích trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

9. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có một nghĩa vụ hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính tốt nhất về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày lập báo cáo.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên ("nhân viên đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2015 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

10. Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định dựa trên các khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận lãi từ các khoản đầu tư đó.

11. Chi phí

Chi phí sản xuất, kinh doanh và chi phí khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các khoản chi phí này làm giảm bớt lợi ích kinh tế trong tương lai có liên quan đến việc giảm bớt tài sản hoặc tăng nợ phải trả và chi phí này phải xác định được một cách đáng tin cậy.

Các chi phí được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các khoản chi phí lãi vay khác phát sinh được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

13. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp được trình bày theo tổng giá trị của thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế có liên quan đến khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Việc xác định các loại thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo thời kỳ và việc xác định sau cùng thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	24.457.878	9.824.158
Tiền gửi ngân hàng	1.734.271.016	314.512.457
Tương đương tiền		
	1.758.728.894	324.336.615

2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty CP Xây Lắp & DV Bưu điện Kiên Giang (30.000 Cổ phiếu)	300.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000
Góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐKD ngày 21/01/2013 (*)	450.000.000	450.000.000	500.000.000	500.000.000
	750.000.000	750.000.000	800.000.000	800.000.000

(*) Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐKD ngày 21/01/2013, Công ty (Bên A) và DNTN Vĩnh Phát (Bên B) cùng hợp tác để xây dựng công trình Nhà lắp ráp cho chương trình Cụm - Tuyển dân cư vượt lũ huyện Tân Hồng tỉnh Đồng Tháp. Trong đó, Bên A góp vốn 81,08% giá trị các căn nhà, và được hưởng 50% lợi nhuận/1 căn nhà, lợi nhuận này được xác định sau khi trừ các chi phí hợp lý và lãi suất thỏa thuận 13%/năm trong thời gian từ ngày chuyển vốn đến ngày nhận lại vốn. Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, Bên A chỉ mới nhận lại được 50.000.000 VNĐ vốn góp.

3. Phải thu khách hàng

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	39.857.073.210	34.556.832.717
Tổng Công ty Cảng HK Việt Nam - ACV	6.353.291.517	-
Sở GD & ĐT tỉnh Đồng Tháp	5.589.678.000	6.370.052.000
Liên đoàn Lao động tỉnh Đồng Tháp	2.686.968.000	-
Ban QLDA XD huyện Lai Vung	2.582.008.000	1.910.759.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng BCVT Vũng Tàu	2.316.903.281	-
Phòng GD & ĐT huyện Châu Thành	2.258.624.000	1.370.373.000
Ban QLDA huyện Châu Thành	1.926.903.000	986.876.000
Công ty TNHH XD TM Ngọc Thiện	1.860.088.232	1.860.088.232
Viễn thông Đồng Tháp	1.769.284.401	187.919.340
Bộ Chỉ huy Quân sự Lâm Đồng	1.550.422.131	1.425.326.246
Sở Y Tế tỉnh Đồng Tháp	1.384.457.688	1.941.609.688
Viễn thông An Giang	1.382.634.163	-
Viễn thông Bình Phước	1.319.179.600	-
Công ty CP ĐT XD Viễn thông Hoàng Hưng	1.240.616.919	1.240.616.919
Ban QLDA TP.Cao Lãnh	582.918.000	6.441.601.000
Khác	5.053.096.278	10.821.611.292

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

4. Trả trước nhà cung cấp

	Cuối năm	Đầu năm
Trả trước nhà cung cấp ngắn hạn	844.321.007	1.399.035.000
Cửa hàng nhôm kính An Tâm	145.000.000	-
CN Nha Trang - Công ty TNHH MTV TM Đồng Tâm	347.914.943	-
Công ty TNHH MTV DV Giàu Sang	61.974.000	-
Công ty CP TM Điện máy Kim Biên	87.556.163	-
Công ty TNHH MTV XL An Giang - NM gạch ngói TUNNEL Long Xuyên	67.785.901	-
Công ty CP XNK Vách Ngăn Việt	58.000.000	-
Công ty TNHH MTV XL An Giang	2.325.000	-
Nguyễn Hữu Giới	71.890.000	-
Trung tâm KD VNPT - TPHCM - CN Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông	1.875.000	-
Công ty TNHH TM Hiền Nga	-	40.000.000
Công ty TNHH Hunter Douglas Việt Nam	-	1.176.000.000
Công ty CP Bê tông VCN	-	129.955.000
Nguyễn Văn Dũng	-	53.080.000

5. Phải thu khác

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khác ngắn hạn:	3.188.323.244	1.597.613.075
Phải thu khác	545.878.669	282.172.473
Bảo lãnh dự thầu	136.703.691	18.738.000
Ký quỹ với công ty Điện lực và Cấp nước	30.695.000	17.300.000
Khác	378.479.978	246.134.473
Tạm ứng	2.642.444.575	1.315.440.602
<i>Nhân viên công ty tạm ứng thanh toán chi phí cho các công trình hoặc thanh toán công tác phí.</i>		

6. Nợ xấu

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Nợ phải thu khó đòi (*)	3.578.388.705	-	3.593.388.705	-
Công ty TNHH XD TM Ngọc Thiện	1.860.088.232	-	1.860.088.232	-
Công ty CP ĐT XD Viễn thông Hoàng Hưng	1.240.616.919	-	1.240.616.919	-
Công ty CP ĐT & XD Sao Mai tỉnh An Giang	197.982.815	-	197.982.815	-
Trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp	102.980.000	-	102.980.000	-
Công ty TNHH Gia Phúc	75.303.739	-	75.303.739	-
Công ty TNHH TM XD Phát Đạt	69.540.000	-	84.540.000	-
Công ty TNHH OV	31.877.000	-	31.877.000	-
	3.578.388.705	-	3.593.388.705	-
Trong đó				
Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi		-		-
Dự phòng nợ phải thu dài hạn khó đòi		-		-

(*) Đây là các khách hàng nợ quá hạn trên 3 năm và khó có khả năng thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

7. Hàng tồn kho

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đi đường			-	-
Nguyên vật liệu	1.039.988.081		822.700.897	-
Công cụ, dụng cụ	29.314.500		45.428.250	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	29.302.205.484		13.075.105.336	-
Thành phẩm	14.703.150		348.141.331	-
Hàng hóa	9.917.500		14.584.220	-
Hàng gửi bán			-	-
	30.396.128.715	-	14.305.960.034	-

8. Tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình

a. Tài sản cố định hữu hình:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	6.434.028.185	4.252.470.395	4.630.700.692	-	15.317.199.272
- Mua trong năm	4.727.272.727	224.100.000	-	-	4.951.372.727
- Đầu tư XDCB hoàn thành	511.884.236	221.688.245	-	-	733.572.481
- Thanh lý, nhượng bán	(692.669.904)	-	-	-	(692.669.904)
Số dư cuối năm	10.980.515.244	4.698.258.640	4.630.700.692	-	20.309.474.576
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.540.469.624	1.845.850.711	2.947.952.425	-	6.334.272.760
- Khấu hao trong năm	703.942.661	514.642.513	332.523.468	-	1.551.108.642
- Thanh lý, nhượng bán	(309.392.546)	-	-	-	(309.392.546)
Số dư cuối năm	1.935.019.739	2.360.493.224	3.280.475.893	-	7.575.988.856
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	4.893.558.561	2.406.619.684	1.682.748.267	-	8.982.926.512
Tại ngày cuối năm	9.045.495.505	2.337.765.416	1.350.224.799	-	12.733.485.720
				Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>				2.999.830.549	2.610.281.874

b. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	5.508.788.600	-	-	-	5.508.788.600
Số dư cuối năm	5.508.788.600	-	-	-	5.508.788.600
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	127.192.691	-	-	-	127.192.691
- Khấu hao trong năm	18.944.712	-	-	-	18.944.712
Số dư cuối năm	146.137.403	-	-	-	146.137.403
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	5.381.595.909	-	-	-	5.381.595.909
Tại ngày cuối năm	5.362.651.197	-	-	-	5.362.651.197

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

9. Chi phí trả trước

	Cuối năm	Đầu năm
Dài hạn	1.048.492.801	1.810.328.357
Chi phí, công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.048.492.801	1.810.328.357
Biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	1.810.328.357	491.236.350
Tăng trong năm	480.063.729	1.778.765.601
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(1.241.899.285)	(459.673.594)
Giảm khác	-	-
Số dư cuối năm	1.048.492.801	1.810.328.357

10. Vay và nợ thuê tài chính

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	9.497.770.273	9.497.770.273	-	-
VietinBank - CN Đồng Tháp	4.299.740.046	4.299.740.046	-	-
VPBank - CN Đồng Tháp	5.198.030.227	5.198.030.227	-	-

11. Phải trả người bán

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	25.395.767.700	25.395.767.700	9.493.055.776	9.493.055.776
CT CP Xây lắp và PT Bưu điện Trà Vinh	5.475.685.000	5.475.685.000	-	-
Công ty TNHH Tấn Thuận Thành	4.123.756.710	4.123.756.710	-	-
Trang trí nội thất Ngọc Anh	1.655.927.800	1.655.927.800	198.022.640	198.022.640
Trương Đình Trí	1.454.630.544	1.454.630.544	-	-
Quách Văn Phong	1.436.185.484	1.436.185.484	88.979.360	88.979.360
Trương Văn Phong	683.699.198	683.699.198	175.259.825	175.259.825
CT TNHH MTV Xây lắp & VLXD ĐT	609.428.568	609.428.568	306.949.965	306.949.965
CT TNHH SX TM Sắt thép Hữu Sang	590.633.549	590.633.549	537.023.871	537.023.871
Công ty TNHH TM XNK Minh Sang	523.009.053	523.009.053	141.726.870	141.726.870
Cơ Sở Lò Gạch Quốc Thái	461.744.900	461.744.900	82.891.200	82.891.200
Phạm Trí Thức	423.490.000	423.490.000	-	-
Công ty TNHH MTV Xuân Thi	400.483.282	400.483.282	116.884.250	116.884.250
DNTN Hữu Tâm	393.860.000	393.860.000	626.325.000	626.325.000
Nguyễn Minh Triết	361.605.131	361.605.131	73.373.882	73.373.882
Trần Thanh Sang	324.624.142	324.624.142	-	-
CN CT TNHH SX TM thép Phương Vũ	309.253.598	309.253.598	333.203.010	333.203.010
Nguyễn Văn Dũng	305.580.000	305.580.000	-	-
DNTN Vinh Tường	278.237.168	278.237.168	136.328.657	136.328.657
Phụ tùng đồ sắt Xuân Thi	259.222.000	259.222.000	117.794.100	117.794.100
Trương Hoàng Giang	255.455.608	255.455.608	-	-
Công ty TNHH TM Hiền Nga	247.427.298	247.427.298	-	-
Công ty TNHH Phát Duy	226.800.000	226.800.000	205.609.000	205.609.000
Trương Nhân Anh	223.662.813	223.662.813	548.293.417	548.293.417
Khác	4.371.365.854	4.371.365.854	5.804.390.729	5.804.390.729

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

12. Người mua trả tiền trước

Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn
Ban QLDA H.Tam Nông
Ban QLDA XD các Công trình H.Thanh Bình
Viettel Đồng Tháp - CN Tập đoàn VT Quân đội
Trung tâm Phát triển Quỹ nhà đất tỉnh Đồng Tháp
Tổng Công ty Cảng HK Việt Nam - ACV
Liên đoàn Lao động tỉnh Đồng Tháp
Bùi Minh Chính
Nguyễn Nhật Long

	Cuối năm	Đầu năm
	6.417.225.915	3.668.522.000
	2.700.757.000	
	2.844.896.000	
	424.496.915	
	447.076.000	
		3.390.000.000
		198.522.000
		41.000.000
		39.000.000

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

- Thuế giá trị gia tăng
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân
- Thuế khác

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
	2.596.026.397	3.021.149.385	(3.782.632.675)	1.834.543.107
	(249.989.193)	340.308.997	-	90.319.804
	18.998.290	95.358.401	(110.063.137)	4.293.554
	-	2.000.000	(2.000.000)	-
Thuế phải nộp	2.615.024.687	3.458.816.783	(3.894.695.812)	1.929.156.465
Thuế phải thu	249.989.193			

14. Phải trả khác

Các khoản phải trả ngắn hạn
- Thủ lao HĐQT, BKS
- Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Cuối năm	Đầu năm
	119.396.856	89.289.287
	119.396.856	29.289.287
	-	60.000.000

15. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				
	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Cộng
Số dư đầu năm trước	10.000.000.000	7.129.500.000	2.903.618.833	32.083.355.796	52.116.474.629
- Trích quỹ	-	-	(300.000.000)	300.000.000	-
- Lãi/(Lỗ) trong năm trước	-	-	267.518.566	-	267.518.566
- Trích KT, PL	-	-	(603.618.833)	-	(603.618.833)
- Chia cổ tức	-	-	(2.000.000.000)	-	(2.000.000.000)
Số dư đầu năm nay	10.000.000.000	7.129.500.000	267.518.566	32.383.355.796	49.780.374.362
- Tạm ứng cổ tức	-	-	(261.488.000)	-	(261.488.000)
- Lãi/(Lỗ) trong năm nay	-	-	1.165.410.231	-	1.165.410.231
Số dư cuối năm nay	10.000.000.000	7.129.500.000	1.171.440.797	32.383.355.796	50.684.296.593

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo giấy chứng nhận đầu tư/chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 10.000.000.000 VND.
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã được nhà đầu tư góp đủ.

Nhà đầu tư	Cuối năm		Đầu năm	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
- Tập đoàn Bưu chính Viễn thông	3.200.000.000	32,00%	3.200.000.000	32,00%
- Công ty TM Dầu khí Đồng Tháp	1.050.000.000	10,50%	1.050.000.000	10,50%
- Công ty Tài chính Bưu điện	480.000.000	4,80%	480.000.000	4,80%
- Các cổ đông khác	5.270.000.000	52,70%	5.270.000.000	52,70%
	10.000.000.000	100,00%	10.000.000.000	100,00%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn điều lệ đăng ký của chủ sở hữu	10.000.000.000	10.000.000.000
+Vốn góp đầu năm	10.000.000.000	10.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	10.000.000.000	10.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	261.488.000	1.794.032.000

d. Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.000.000	1.000.000
Số lượng cổ phiếu đã được bán ra công chúng	1.000.000	1.000.000
Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Cổ phiếu phổ thông		
Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.000.000	1.000.000
Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	Cuối năm	Đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	32.383.355.796	32.383.355.796
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu gộp	89.360.008.522	84.253.164.084
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.246.901.093	443.996.481
Doanh thu xây lắp	88.113.107.429	83.809.167.603
Các khoản giảm trừ doanh thu	106.586.443	140.832.171
Giảm giá hàng bán	106.586.443	140.832.171
Doanh thu thuần	1.246.901.093	443.996.481
Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ	88.006.520.986	83.668.335.432
Doanh thu xây lắp	89.253.422.079	84.112.331.913
Tổng cộng	89.253.422.079	84.112.331.913

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	75.775.731.980	72.751.381.224
	75.775.731.980	72.751.381.224

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	25.550.518	357.270.672
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	18.000.000	36.000.000
- Doanh thu hoạt động tài chính khác		39.516.000
	43.550.518	432.786.672

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	7.215.795.987	6.084.448.669
Chi phí vật liệu quản lý	590.840.598	1.307.103.089
Chi phí đồ dùng văn phòng	411.189.181	1.282.966.880
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.271.188.419	2.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	853.794.810	1.257.275.025
Chi phí bằng tiền khác	1.199.199.559	1.505.327.086
	11.542.008.554	11.439.120.749

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	340.308.997	84.656.281
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	340.308.997	84.656.281

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VII. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro tín dụng;
- Rủi ro thanh khoản; và
- Rủi ro thị trường.

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty.

1. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ.

a. Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền		1.758.728.894	324.336.615
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác		43.045.396.454	36.154.445.792

b. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

c. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm trái phiếu doanh nghiệp và tiền gửi có kỳ hạn. Rủi ro tín dụng của Công ty từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng tổ chức phát hành công cụ. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty phân tích độ tin cậy của tổ chức phát hành trước khi mua các công cụ này. Ban Giám đốc đánh giá tổ chức phát hành có sổ sách theo dõi tốt và tin rằng rủi ro tín dụng của các công cụ này thấp. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, được giữ chủ yếu bởi các tổ chức danh tiếng. Ban điều hành không nhận thấy bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản đầu tư này và tin rằng các tổ chức tài chính này không thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

2. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm lãi suất ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Trong vòng 01 năm	Trên 01 năm	Tổng cộng
Vay	9.497.770.273	-	9.497.770.273
Phải trả người bán	25.395.767.700	-	25.395.767.700
Phải trả người lao động	126.825.270	-	126.825.270
Chi phí phải trả	-	-	-
Các khoản phải trả khác	119.396.856	-	119.396.856
	<u>35.139.760.099</u>	<u>-</u>	<u>35.139.760.099</u>

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2015

	Trong vòng 01 năm	Trên 01 năm	Tổng cộng
Vay	-	-	-
Phải trả người bán	9.493.055.776	-	9.493.055.776
Phải trả người lao động	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-
Các khoản phải trả khác	89.289.287	-	89.289.287
	<u>9.582.345.063</u>	<u>-</u>	<u>9.582.345.063</u>

Ban Giám đốc Công ty đánh giá rủi ro thanh khoản của Công ty ở mức thấp và Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty có đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đến hạn. Hơn nữa, các nhà đầu tư xác nhận sẽ tiếp tục hỗ trợ tài chính nhằm đảm bảo Công ty có khả năng thanh toán.

3. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

a. Rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua và bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (USD).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Nợ gốc của các khoản vay ngân hàng bằng USD của Công ty đều đã được dự phòng rủi ro tỷ giá hối đoái thông qua các hợp đồng kỳ hạn có ngày đáo hạn vào cùng thời điểm trả nợ của các khoản vay này.

b. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất đối với các khoản vay theo lãi suất thả nổi hoặc cố định. Các rủi ro này được Công ty kiểm soát bằng các phân tích tình hình lãi suất trên thị trường để đảm bảo được mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty nhưng vẫn đảm bảo rủi ro được kiểm soát.

Độ nhạy đối với lãi suất

Công ty không thực hiện phân tích về độ nhạy đối với lãi suất của Công ty (nếu có), tại ngày lập báo cáo vì được đánh giá là không trọng yếu.

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Sau ngày kết thúc không phát sinh các sự kiện trọng yếu đòi hỏi phải điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính báo cáo tài chính.

2. Thông tin so sánh

Các số liệu tương ứng trong báo cáo tài chính năm trước đã được phân loại lại cho mục đích trình bày báo cáo tài chính năm nay

Năm 2015 trình bày số liệu bị thay đổi giữa quyết định 15 và thông tư 200

Xem phụ lục số 01

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Giám đốc Công ty xác nhận Công ty không có ý định chấm dứt hoạt động hoặc thu hẹp quy mô trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ ngày kết thúc niên độ. Do vậy, báo cáo tài chính được lập và trình bày trên cơ sở hoạt động



NGÔ VIỆT TẤN

Tổng Giám Đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2016

BÙI PHÚ QUI

Kế toán trưởng

LÊ MINH TUYẾN

Người lập biểu

Phụ lục 01 - Thông tin so sánh

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu kỳ này.

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014			Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC		
Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Thay đổi
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
135	Các khoản phải thu khác	282.172.473	136	Phải thu ngắn hạn khác	1.597.613.075 (1.315.440.602)
158	Tài sản ngắn hạn khác	1.315.440.602	155	Tài sản ngắn hạn khác	- 1.315.440.602
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	267.518.566	421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	267.518.566
			421a	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước	-
			421b	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ này	267.518.566



NGÔ VIỆT TÂN
 Tổng Giám Đốc

BÙI PHÚ QUÍ
 Kế toán trưởng

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực 7398.... Quyển số 01... -SCT/BS

Ngày 31... tháng 10... năm 2016..

CHỦ TỊCH



Lê Phú Toàn

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2016

LÊ MINH TUYÊN
 Người lập biểu